

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Bùi Thị	Nhân	LNH006863	1	27.00	3.5	30.50
2	Lý Thị	Nhung	TND018885	1	26.75	3.5	30.25
3	Quảng Thị	Thanh	TTB005699	2	26.25	3.5	29.75
4	Bùi Thị	Huệ	LNH003858	1	26.25	3.5	29.75
5	Bùi Thị	Ngân	LNH006492	1	26.25	3.5	29.75
6	Triệu Linh	Đan	TND004771	2	26.00	3.5	29.50
7	Phạm Bá	Đạt	HDT005374	1	26.00	3.5	29.50
8	Trịnh Thị	Phượng	HDT020280	1	26.00	3.5	29.50
9	Đỗ Thị	Dung	DCN001673	1	26.00	3.5	29.50
10	Phạm Thị	Nga	HDT017497	1	25.75	3.5	29.25
11	Ma Nhân Hoàng	Anh	TQU000098	1	25.75	3.5	29.25
12	Lường Văn	Đông	TTB001526	1	25.75	3.5	29.25
13	Hà Thị Hương	Nhi	THV009805	3	25.50	3.5	29.00
14	Bàn Thị	Vân	TND029017	2	25.50	3.5	29.00
15	Hà Thị Hương	Thảo	KQH012547	1	25.50	3.5	29.00
16	Tòng Thùy	Linh	TTB003584	1	25.50	3.5	29.00
17	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005915	1	25.50	3.5	29.00
18	Đàm Thị	Thiệp	TND023907	1	25.50	3.5	29.00
19	Nguyễn Hùng	Sơn	LNH007960	1	25.50	3.5	29.00
20	Quách Thương	Hiệp	LNH003262	1	26.50	2.5	29.00
21	Bùi Thị	Nường	HDT019148	1	25.50	3.5	29.00
22	Hà Thị	Chang	TND002060	1	25.50	3.5	29.00
23	Hoàng Thị Vân	Thư	TND025171	2	25.25	3.5	28.75
24	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	1	25.25	3.5	28.75
25	Nguyễn Thị	Nhung	LNH006991	1	25.25	3.5	28.75
26	Quan Thị Thu	Quỳnh	TQU004637	1	25.25	3.5	28.75
27	Nguyễn Phương	Hoa	THV004749	1	27.25	1.5	28.75
28	Bùi Kim	Ngân	LNH006487	1	25.25	3.5	28.75
29	Quan Thị	Nga	DCN007886	1	25.25	3.5	28.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Ma Thị Thu	Uyên	KQH015950	1	25.25	3.5	28.75
31	Trần Thị	Hằng	TDV009422	1	27.25	1.5	28.75
32	Bùi Thị	Giang	DCN002642	2	25.00	3.5	28.50
33	Nguyễn Thị Thùy	Linh	DHU011359	1	27.50	1.0	28.50
34	Dương Thị	Thư	TTB006434	1	27.00	1.5	28.50
35	Nguyễn Hồng	Hạnh	TTB001934	1	27.00	1.5	28.50
36	Nguyễn Thị Vân	Anh	SPH001102	1	28.00	0.5	28.50
37	Lò Thị	Diện	TTB001037	1	25.00	3.5	28.50
38	Tông Thị	Linh	THV007742	1	25.00	3.5	28.50
39	Nguyễn Thị Hiền	Châu	THV001226	1	27.00	1.5	28.50
40	Võ Thị	Huyền	TDV013985	1	27.00	1.5	28.50
41	Nguyễn Ngọc	Chí	TND002333	1	25.00	3.5	28.50
42	Hoàng Thị	Nguyễn	TND018296	1	25.00	3.5	28.50
43	Nguyễn Đàm Mai	Hương	TND011845	1	25.00	3.5	28.50
44	Nguyễn Thị Thu	Huệ	TQU002239	1	25.00	3.5	28.50
45	Đặng Hồng	Minh	THV008679	1	25.00	3.5	28.50
46	Đinh Thị Bích	Đoan	TND005248	1	25.00	3.5	28.50
47	Hoàng Thị Thu	Hương	TND011773	2	24.75	3.5	28.25
48	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	TND006904	2	24.75	3.5	28.25
49	Nguyễn Thị	Linh	DCN006410	2	24.75	3.5	28.25
50	Trịnh Thị Kim	Anh	KHA000716	2	26.25	2.0	28.25
51	Quách Thanh	Thủy	LNH009237	1	24.75	3.5	28.25
52	Nông Thu	Trang	DCN011942	1	24.75	3.5	28.25
53	Lê Thị	Lam	THP007705	1	27.25	1.0	28.25
54	Huỳnh Thị Kim	Thúy	THV013125	1	26.75	1.5	28.25
55	Lê Thị	Thế	TND023694	1	24.75	3.5	28.25
56	Hoàng Thị	Ly	TND015654	1	24.75	3.5	28.25
57	Phan Đức	Quý	TND020712	1	24.75	3.5	28.25
58	Hoàng Thị Ngọc	Anh	THV000202	1	24.75	3.5	28.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Lưu Thị	Mai	SPH010983	1	27.25	1.0	28.25
60	Nông Thị	Phượng	KQH010977	1	24.75	3.5	28.25
61	Và A	Tủa	TTB007056	2	24.50	3.5	28.00
62	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	TND003761	2	24.50	3.5	28.00
63	Vừ A	Dia	TTB001020	2	24.50	3.5	28.00
64	Ma Thị Tuyết	Nhung	DCN008405	1	24.50	3.5	28.00
65	Lê Thị Thúy	Huệ	TQU002229	1	26.50	1.5	28.00
66	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	1	26.50	1.5	28.00
67	Hoàng Lệ Khánh	Linh	THV007389	1	24.50	3.5	28.00
68	Lê Thị Cẩm	Vân	TDV035760	1	26.00	2.0	28.00
69	Hoàng Thị Trà	My	TND016796	1	24.50	3.5	28.00
70	Nguyễn Thị	Tâm	DCN009847	1	24.50	3.5	28.00
71	Đình Phương	Thảo	TTB005848	1	26.50	1.5	28.00
72	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	1	26.50	1.5	28.00
73	Hoàng Châu	Bình	TQU000365	1	26.50	1.5	28.00
74	Bùi Thị Như	ý	DHU027524	1	27.50	0.5	28.00
75	Đỗ Thị	Hoài	NLS004234	1	26.50	1.5	28.00
76	Hoàng Thị	Phượng	TQU004408	1	24.50	3.5	28.00
77	Đoàn Thị Thùy	Linh	TND014118	1	26.50	1.5	28.00
78	Nguyễn Thị Thùy	Dương	TTB001363	1	26.50	1.5	28.00
79	Trần Thị	Lan	TDV015694	1	26.00	2.0	28.00
80	La Thị	Lệ	DCN006045	1	24.50	3.5	28.00
81	Nguyễn Thu	Hà	TQU001432	1	24.50	3.5	28.00
82	Trịnh Thị	Linh	TTB003597	1	26.50	1.5	28.00
83	Bùi Thị	Phượng	LNH007269	1	24.50	3.5	28.00
84	Đàm Thị	Nhung	TND018794	1	24.50	3.5	28.00
85	Lương Thị	Bền	TDV002344	1	24.50	3.5	28.00
86	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	1	26.50	1.5	28.00
87	Nguyễn Khánh	Linh	THV007536	2	26.25	1.5	27.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Doãn Thị	Hồng	HDT010018	1	26.25	1.5	27.75
89	Nguyễn Lê Thu	Hà	LNH002503	1	24.25	3.5	27.75
90	Lý Thị	An	TND000038	1	24.25	3.5	27.75
91	Bàn Thị Mỹ	Hạnh	TQU001523	1	24.25	3.5	27.75
92	Lự Thị	Thúy	THV013127	1	24.25	3.5	27.75
93	Đàm Văn	Thực	TND025270	1	24.25	3.5	27.75
94	Lý Thị	Hồng	TQU002137	1	24.25	3.5	27.75
95	Hoàng Như	Quỳnh	THV011063	1	24.25	3.5	27.75
96	Hoàng Thị	Trang	HDT026389	1	24.25	3.5	27.75
97	Triệu Hồng	Nhung	THV009964	1	24.25	3.5	27.75
98	Vương Hồng	Huyền	THP006755	1	26.75	1.0	27.75
99	Giang Thị Hải	Lý	TND015796	1	27.25	0.5	27.75
100	Triệu Thị	Lấy	TND013609	1	24.25	3.5	27.75
101	Hoàng Thị	Hà	DCN002833	1	24.25	3.5	27.75
102	Lục Thị Kiều	Trang	TQU005803	1	24.25	3.5	27.75
103	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003305	1	26.25	1.5	27.75
104	Nguyễn Ngọc	Duyên	THP002592	1	26.75	1.0	27.75
105	Hoàng Thị	Thanh	HDT022547	1	26.25	1.5	27.75
106	Nguyễn Thị	Hồng	TND009833	1	26.25	1.5	27.75
107	Phạm Văn	Đông	HDT005678	1	26.25	1.5	27.75
108	Dương Văn	Tuấn	HDT028092	1	24.25	3.5	27.75
109	Lò Văn	Duyệt	HDT004727	1	24.25	3.5	27.75
110	Đào Thị	Thúy	SPH016697	1	26.25	1.5	27.75
111	Vũ Thị Huyền	Trang	TQU005926	1	26.25	1.5	27.75
112	Hoàng Thị	Chiên	TQU000475	2	24.00	3.5	27.50
113	Bế Thị	Hường	TND012099	2	24.00	3.5	27.50
114	Nông Thị	Đào	TND004806	2	24.00	3.5	27.50
115	Vy Mỹ	Linh	TND014890	2	24.00	3.5	27.50
116	Chu Thị	Duyên	TND004274	2	24.00	3.5	27.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Nông Thị	Loan	TND015028	2	24.00	3.5	27.50
118	Nguyễn Thị Thu	An	TND000058	2	24.00	3.5	27.50
119	Hà Thị	Hương	HHA006747	2	24.00	3.5	27.50
120	Hà Thị	Luyến	TQU003406	2	24.00	3.5	27.50
121	Trần Thị	Thủy	YTB021441	2	26.50	1.0	27.50
122	Hà Thị Bích	Thảo	TQU005042	1	24.00	3.5	27.50
123	Lý Thái	Bảo	TND001546	1	24.00	3.5	27.50
124	Nguyễn Thị Minh	Hân	TQU001669	1	26.00	1.5	27.50
125	Vi Thị	Vân	TND029204	1	24.00	3.5	27.50
126	Lê Thị Kim	Ngọc	TTB004371	1	26.00	1.5	27.50
127	Hà Thị	Hảo	TND007154	1	24.00	3.5	27.50
128	Nguyễn Thị	Phượng	YTB017324	1	26.50	1.0	27.50
129	Cao Thị Hồng	Phượng	TDV024229	1	24.00	3.5	27.50
130	Lê Quốc	Hào	TDV008777	1	26.00	1.5	27.50
131	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013732	1	27.00	0.5	27.50
132	Phạm Thu	Phượng	HDT020052	1	24.00	3.5	27.50
133	Trần Thị Thanh	Lam	LNH004935	1	27.00	0.5	27.50
134	Lê Thị	Duyên	THP002581	1	27.00	0.5	27.50
135	Mã Thanh	Lâm	TND013503	1	24.00	3.5	27.50
136	Lương Thị Hồng	Gấm	THV003168	1	24.00	3.5	27.50
137	Nguyễn Thị	Thúy	THP014491	1	26.50	1.0	27.50
138	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029683	1	26.00	1.5	27.50
139	Nguyễn Thị	Huế	TDV012434	1	26.00	1.5	27.50
140	Nguyễn Thị	Hồng	TTN007044	1	26.00	1.5	27.50
141	Hà Thu	Hằng	TTB002005	1	24.00	3.5	27.50
142	Trần Thị Như	Quỳnh	TTB005235	1	26.00	1.5	27.50
143	Linh Thị Mai	Anh	TND000507	1	24.00	3.5	27.50
144	Hoàng Thị	Phượng	TDV023811	1	26.50	1.0	27.50
145	Đỗ Minh	Ngọc	THV009413	1	27.00	0.5	27.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Hà Thị Ngọc	Linh	THV007366	1	24.00	3.5	27.50
147	Nguyễn Thị Thu	Phượng	SPH013790	1	26.00	1.5	27.50
148	Lê Phương	Anh	HDT000573	1	26.00	1.5	27.50
149	Lường Thị	Hằng	TTB002030	1	24.00	3.5	27.50
150	Nguyễn Thị Thùy	Vân	SPH019288	1	27.00	0.5	27.50
151	Ngô Duy Hồng	Quân	LNH007568	2	25.75	1.5	27.25
152	Hồ Văn	Trai	DHU024012	2	23.75	3.5	27.25
153	Nông Thị	Xâm	TND029728	2	23.75	3.5	27.25
154	Nguyễn Thị Thanh	Mai	KQH008813	2	23.75	3.5	27.25
155	Hoàng Thu	Hoàn	TND009280	2	23.75	3.5	27.25
156	Nguyễn Phương	Trang	THP015142	2	26.25	1.0	27.25
157	Nguyễn Kim	Chi	THV001265	2	25.75	1.5	27.25
158	Nguyễn Thị Hà	Thương	HDT025520	2	26.75	0.5	27.25
159	Nguyễn Thị	Quỳnh	DHU019103	2	24.75	2.5	27.25
160	Lù Thị	Tâm	DCN009835	1	23.75	3.5	27.25
161	Hoàng Hồng	Ngọc	THV009455	1	23.75	3.5	27.25
162	Nguyễn Văn	Dương	TDV005627	1	26.25	1.0	27.25
163	Lê Thị	Hương	HDT012158	1	26.25	1.0	27.25
164	Nông Văn	Quân	TQU004497	1	23.75	3.5	27.25
165	Nguyễn Thị	Huyền	TDV013542	1	25.75	1.5	27.25
166	Phạm Thị Kiều	Linh	TQU003235	1	25.75	1.5	27.25
167	Trần Phương	Anh	TTB000267	1	25.75	1.5	27.25
168	Nguyễn Thị	Anh	TND000706	1	25.75	1.5	27.25
169	Kim Thảo	Linh	TQU003121	1	23.75	3.5	27.25
170	Nguyễn Tấn	Hòa	TQU001965	1	23.75	3.5	27.25
171	Mã Thị	Thanh	SPH015271	1	23.75	3.5	27.25
172	Lê Thị Minh	Thảo	TQU005062	1	25.75	1.5	27.25
173	Lã Thị	Linh	YTB012556	1	25.75	1.5	27.25
174	Hà Thị	Hằng	KQH004209	1	23.75	3.5	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Đào Thị Tú	Linh	THV007314	1	25.75	1.5	27.25
176	Lê Thị Huệ	Duyên	HDT004620	1	25.75	1.5	27.25
177	Ma Thị Thanh	Tâm	TND022075	1	23.75	3.5	27.25
178	Bùi Thị Hải	Linh	TDV016205	1	26.75	0.5	27.25
179	La Thị	Dung	THV002048	1	23.75	3.5	27.25
180	Nguyễn Thị	Hậu	SPH005805	1	26.75	0.5	27.25
181	Đỗ Thị Thái	Hà	HDT006565	1	26.25	1.0	27.25
182	Dương Thị Thục	Chinh	TND002475	1	23.75	3.5	27.25
183	Đặng Thị	Nga	TDV020349	1	25.75	1.5	27.25
184	Ma Thị Thu	Hoài	TQU001996	1	23.75	3.5	27.25
185	Phạm Thu	Hảo	THP004409	1	26.75	0.5	27.25
186	Đinh Thị	Chinh	HDT002715	1	23.75	3.5	27.25
187	Nguyễn Ngọc	ánh	SPH001786	1	26.75	0.5	27.25
188	Vũ Thị Mai	Sao	THV011268	1	25.75	1.5	27.25
189	Nông Thị	Son	TND021467	1	23.75	3.5	27.25
190	Lường Thị	Hải	TTB001865	2	23.50	3.5	27.00
191	Bùi Thị Lan	Anh	LNH000072	2	23.50	3.5	27.00
192	Lương Thị Phương	Thảo	THP013325	2	26.50	0.5	27.00
193	Nguyễn Thị	Thắm	YTB020094	2	26.50	0.5	27.00
194	Lò Thị	Thanh	TTB005671	2	23.50	3.5	27.00
195	Bùi Thị Thu	Hà	TND006094	2	25.50	1.5	27.00
196	Trần Thị	Oanh	TDV023128	2	25.50	1.5	27.00
197	Hoàng Thu	Hương	TND011776	2	23.50	3.5	27.00
198	Trần Thu	Ngân	THV009292	2	25.50	1.5	27.00
199	Hà Thị	Xuyến	TTB007651	2	23.50	3.5	27.00
200	Trần Diệu	Linh	TTB003588	2	25.50	1.5	27.00
201	Dương Thị Lan	Anh	TND000157	2	25.50	1.5	27.00
202	Giàng A	Lào	TTB003340	2	23.50	3.5	27.00
203	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TTB002147	2	25.50	1.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Hoàng Thị	Hằng	TND007295	2	23.50	3.5	27.00
205	Chầu Thị	Ninh	TQU004156	2	23.50	3.5	27.00
206	Vì Thị Thúy	An	TTB000032	2	23.50	3.5	27.00
207	Nguyễn Thúy	Hằng	THP004564	2	26.50	0.5	27.00
208	Lô Thị ánh	Minh	TDV019267	1	23.50	3.5	27.00
209	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	HDT004666	1	25.50	1.5	27.00
210	Hoàng Thị Thuỷ	Tiên	HDT025655	1	24.50	2.5	27.00
211	Nông Phương	Thảo	TND023241	1	23.50	3.5	27.00
212	Phạm Thị	Nga	THP010025	1	26.00	1.0	27.00
213	Đặng Thị	Hiền	TTB002121	1	25.50	1.5	27.00
214	Trịnh Thị	Châm	TND002122	1	23.50	3.5	27.00
215	Lê Sỹ	Cường	HDT003300	1	26.00	1.0	27.00
216	Nguyễn Đức	Thành	TQU004993	1	23.50	3.5	27.00
217	Nguyễn Hải	Lê	HDT013473	1	26.00	1.0	27.00
218	Đặng Thị	Tâm	TDV026932	1	25.50	1.5	27.00
219	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	1	23.50	3.5	27.00
220	Phạm Mai	Trang	TND026654	1	25.50	1.5	27.00
221	Đoàn Thị Phương	Trinh	TND026914	1	23.50	3.5	27.00
222	Hoàng Thị	Ly	HDT015740	1	25.50	1.5	27.00
223	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	THP008419	1	26.00	1.0	27.00
224	Nguyễn Thị Vân	Anh	HDT001193	1	26.00	1.0	27.00
225	Ma Thị	ánh	TQU000275	1	23.50	3.5	27.00
226	Lương Văn	Qui	THV010880	1	23.50	3.5	27.00
227	Ngô Thanh	Huyền	TQU002449	1	23.50	3.5	27.00
228	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009233	1	26.50	0.5	27.00
229	Lương Thị	Vân	TND029086	1	23.50	3.5	27.00
230	Ngô Hồng	Hạnh	TND006956	1	23.50	3.5	27.00
231	Lò Đức	Giang	TTB001642	1	23.50	3.5	27.00
232	Bùi Thị Thương	Huyền	YTB009828	1	26.50	0.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Đỗ Thị	Thoa	HDT024146	1	25.50	1.5	27.00
234	Phạm Thị Linh	Trang	HDT027041	1	25.50	1.5	27.00
235	Vũ Thị	Thành	BKA011812	1	26.00	1.0	27.00
236	Đinh Thùy	Linh	LNH005244	1	25.50	1.5	27.00
237	Nguyễn Ngọc	Lan	DCN005913	1	25.50	1.5	27.00
238	Triệu Văn	Tuyển	TND028499	1	23.50	3.5	27.00
239	Đặng Thủy	Vân	THV015105	1	23.50	3.5	27.00
240	Châu Thị	Đẹp	KQH002942	1	23.50	3.5	27.00
241	Phạm Thị	Hằng	HDT008053	1	26.00	1.0	27.00
242	Cà Thị	út	TTB007347	1	23.50	3.5	27.00
243	Vương Thị Tuyết	Trinh	KQH014933	1	26.50	0.5	27.00
244	Đỗ Thị	Uyên	KQH015939	1	26.50	0.5	27.00
245	Triệu Thị	Mây	TND016355	1	23.50	3.5	27.00
246	Hoàng Thị	Sa	THV011215	1	25.50	1.5	27.00
247	Đặng Hiền	Thương	TND025302	1	25.50	1.5	27.00
248	Đặng Thị	Liêm	KQH007587	1	23.50	3.5	27.00
249	Bùi Thị Trà	My	TTB004084	1	25.50	1.5	27.00
250	Nguyễn Thị	Vân	TDV035875	2	25.25	1.5	26.75
251	Phùng Thị	Quyên	TND020831	2	23.25	3.5	26.75
252	Nguyễn Thu	Trang	TQU005861	2	25.25	1.5	26.75
253	Nguyễn Bá	Ngọc	THP010357	2	24.25	2.5	26.75
254	Đậu Thị	Sương	TDV026500	2	25.75	1.0	26.75
255	Lăng Thị	Hoài	TND009110	2	23.25	3.5	26.75
256	Hồ Thị	ánh	TDV001687	2	25.25	1.5	26.75
257	Lương Thị Hồng	Nhung	TLA010512	2	25.75	1.0	26.75
258	Đào Thị	Hương	HDT011993	2	25.75	1.0	26.75
259	Nguyễn Đình	Cảnh	HDT002326	2	25.75	1.0	26.75
260	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013721	2	26.25	0.5	26.75
261	Phạm Hồng	Sơn	HDT021848	2	25.25	1.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Màng Thị	Nhọn	TTB004558	2	23.25	3.5	26.75
263	Hoàng Thị	Mai	TQU003506	1	23.25	3.5	26.75
264	Hà Ngọc	Huyền	HDT011301	1	23.25	3.5	26.75
265	Tống Thị	Mai	HDT016152	1	25.25	1.5	26.75
266	Lèng Thị	Như	TQU004142	1	23.25	3.5	26.75
267	Trương Hải	Yến	TND030159	1	23.25	3.5	26.75
268	Nguyễn Hải	Yến	TDV036957	1	25.25	1.5	26.75
269	Vũ Thuỷ	Tiên	THV013361	1	25.25	1.5	26.75
270	Lê Thị	Phượng	HDT020198	1	25.75	1.0	26.75
271	Nguyễn Thị Thùy	Dung	TQU000854	1	25.25	1.5	26.75
272	Triệu Thị Thanh	Viễn	DCN013068	1	23.25	3.5	26.75
273	Nguyễn Thu	Thảo	LNH008590	1	25.25	1.5	26.75
274	Bùi Thị Băng	Trình	LNH009970	1	23.25	3.5	26.75
275	Đào Anh	Dũng	THV002162	1	25.25	1.5	26.75
276	Triệu Diễm	Quỳnh	THV011180	1	23.25	3.5	26.75
277	Phan Thị Thanh	Hải	TDV008370	1	25.25	1.5	26.75
278	Lê Thị Hoài	Thơ	DHU022300	1	25.25	1.5	26.75
279	Trương Thị Hồng	Vân	TDV035937	1	25.25	1.5	26.75
280	Nguyễn Thị	Gái	TDV007083	1	25.25	1.5	26.75
281	Bùi Thị	Hà	LNH002420	1	23.25	3.5	26.75
282	Phạm Thị	Thảo	YTB019918	1	26.25	0.5	26.75
283	Bùi Thị	Thủy	TDV030302	1	25.75	1.0	26.75
284	Lao Thị Hồng	Hoài	TND009109	1	23.25	3.5	26.75
285	Lao Thị Ngọc	ánh	TND001317	1	23.25	3.5	26.75
286	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	1	23.25	3.5	26.75
287	Bùi Thị Thúy	Hiền	THV004244	1	25.25	1.5	26.75
288	Chu Thị	Thảo	TTB005838	1	23.25	3.5	26.75
289	Đào Thị Vân	Anh	TDV000349	1	26.25	0.5	26.75
290	Lê Thị	Nhung	HDT018777	1	26.25	0.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Phạm Việt	Trình	THP015567	1	26.25	0.5	26.75
292	Lò Trung	Thành	TTB005740	2	23.00	3.5	26.50
293	Thào A	Pó	TTB004987	2	23.00	3.5	26.50
294	Lý A	Chớ	TTB000675	2	23.00	3.5	26.50
295	Đàm Thị Mỹ	Linh	KQH007744	2	23.00	3.5	26.50
296	Nguyễn Thị Thu	Ngoan	TND017827	2	25.00	1.5	26.50
297	Hoàng Minh	Thành	DHU020770	2	25.00	1.5	26.50
298	Nguyễn Diệu	Linh	SPH009704	2	25.50	1.0	26.50
299	Phan Mỹ	Hạnh	TQU001564	2	25.00	1.5	26.50
300	Sáng Thị	Chính	TQU000537	2	23.00	3.5	26.50
301	Sùng Thị	Dợ	TQU000804	2	23.00	3.5	26.50
302	Nguyễn Thị	Thuận	TND024540	2	25.00	1.5	26.50
303	Nguyễn Thị Thùy	Linh	LNH005414	2	25.00	1.5	26.50
304	Hàn Thị Ngọc	Mai	KQH008728	2	23.00	3.5	26.50
305	Triệu Thị	Thịnh	TQU005280	2	23.00	3.5	26.50
306	Lý Thị	Ghể	TND005756	2	23.00	3.5	26.50
307	Lã Văn	Băng	DCN000946	2	25.50	1.0	26.50
308	Nông Thị	Hằng	TND007466	2	23.00	3.5	26.50
309	Trần Thị Hà	Tiên	TTB006546	2	23.00	3.5	26.50
310	Mạc Quỳnh	Anh	THP000387	2	26.00	0.5	26.50
311	Trần Ngọc	Mai	TND016088	2	23.00	3.5	26.50
312	Nguyễn Thị	Hương	THV006207	2	23.00	3.5	26.50
313	Hoàng ánh	Nguyệt	TND018349	2	23.00	3.5	26.50
314	Trần Thị	Hằng	HHA004440	2	23.00	3.5	26.50
315	Hoàng Thị	Lành	TND013442	2	23.00	3.5	26.50
316	Pờ Mé	Nu	TTB004653	2	23.00	3.5	26.50
317	Hoàng Thu	Trang	TQU005797	1	23.00	3.5	26.50
318	Trịnh Thị Như	Quỳnh	HDT021335	1	23.00	3.5	26.50
319	Nguyễn Thị Minh	Thư	TLA013516	1	26.00	0.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Đinh Thị	Ngân	DCN007924	1	23.00	3.5	26.50
321	Lê Thị	Hằng	HDT007837	1	25.50	1.0	26.50
322	Đặng Thị	Bảy	THV000922	1	23.00	3.5	26.50
323	Lương Thị Lệ	Thu	THV012815	1	23.00	3.5	26.50
324	Lương Thị	Thảo	THV012200	1	23.00	3.5	26.50
325	Nghiêm Thị	Tam	THV011653	1	23.00	3.5	26.50
326	Vàng Thị	Cúc	THV001679	1	23.00	3.5	26.50
327	Đậu Thị Hà	Thu	HDT024340	1	25.50	1.0	26.50
328	Nguyễn Văn	Tân	THV011742	1	25.00	1.5	26.50
329	Hoàng Thị Đình	Mỹ	HDT016855	1	25.00	1.5	26.50
330	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003309	1	25.00	1.5	26.50
331	Nguyễn Thị Yến	Nhi	TDV022187	1	26.00	0.5	26.50
332	Lê Đình	Đạt	HDT005241	1	23.00	3.5	26.50
333	Đỗ Thùy	Trang	HHA014438	1	26.00	0.5	26.50
334	Lò Thị	Mừng	TTB004079	1	23.00	3.5	26.50
335	Bùi Thị Thúy	Quỳnh	TQU004582	1	25.00	1.5	26.50
336	Quàng Văn	Dũng	TTB001248	1	23.00	3.5	26.50
337	Trần Uyên	Chi	TDV003028	1	25.00	1.5	26.50
338	Nguyễn Thị Hằng	Nga	TDV020447	1	25.00	1.5	26.50
339	Phan Thị Thùy	Trang	TDV032871	1	25.00	1.5	26.50
340	Trần Thị Thuỳ	Dương	THP002832	1	26.00	0.5	26.50
341	Đỗ Mai	Hương	THP006938	1	26.00	0.5	26.50
342	Tô Thị Thu	Hà	TND006459	1	23.00	3.5	26.50
343	Lường Văn	Khiêm	LNH004811	1	23.00	3.5	26.50
344	Phà Thó	Xa	THV015435	1	23.00	3.5	26.50
345	Lại Thị	Minh	DCN007378	1	25.50	1.0	26.50
346	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	TND018396	1	23.00	3.5	26.50
347	Vũ Thùy	Linh	YTB013205	1	24.50	2.0	26.50
348	Vũ Thị Thanh	Xuân	KQH016470	1	25.50	1.0	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028260	1	25.00	1.5	26.50
350	Lý Thị Thu	Huyền	TND011142	1	23.00	3.5	26.50
351	Nguyễn Thu	Thoàn	TQU005304	1	23.00	3.5	26.50
352	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	HDT018040	1	25.00	1.5	26.50
353	Sầm Thị	Tuyền	TND028496	1	23.00	3.5	26.50
354	Hoàng Thị	Loan	TDV017523	1	25.50	1.0	26.50
355	Lê Thị Bích	Thảo	DCN010221	1	26.00	0.5	26.50
356	Bùi Thị Thanh	Tú	TDV034185	1	25.50	1.0	26.50
357	Đinh Kiều	Oanh	TTB004677	1	23.00	3.5	26.50
358	Đường Thu	Quyên	TND020757	1	23.00	3.5	26.50
359	Lò Thị	Tiêm	TTB006534	1	23.00	3.5	26.50
360	Lê Thị	Dung	HDT003866	1	25.50	1.0	26.50
361	Nguyễn Thị	Thanh	KQH012316	1	26.00	0.5	26.50
362	Phạm Thị	Giang	HDT006412	1	25.50	1.0	26.50
363	Triệu Thị	Thùy	KQH013612	2	22.75	3.5	26.25
364	Hoàng Thị	Vân	HDT029488	2	25.25	1.0	26.25
365	Bùi Thị	Phương	TND019724	2	22.75	3.5	26.25
366	Nguyễn Thị	Trang	HDT026941	2	25.25	1.0	26.25
367	Nguyễn Thị Kiều	Trang	DCN011807	2	25.75	0.5	26.25
368	Nguyễn Thị	Anh	KQH000429	2	24.75	1.5	26.25
369	Nguyễn Thị	Dịu	THP002119	2	25.75	0.5	26.25
370	Cao Thị	Giang	SPH004446	2	25.75	0.5	26.25
371	Lương Thị	Yến	TND030011	2	22.75	3.5	26.25
372	Trần Thị Hồng	Vinh	TDV036256	2	24.75	1.5	26.25
373	Nguyễn Văn	Tùng	TLA015205	2	26.25		26.25
374	Nông Thị	Mến	TQU003587	2	22.75	3.5	26.25
375	Hoàng Thị Mai	Liễu	TND013933	1	22.75	3.5	26.25
376	Đinh Thị Trang	Nhung	TDV022297	1	25.75	0.5	26.25
377	Vũ Thị	Hiền	THV004397	1	22.75	3.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Nguyễn Anh	Thư	TDV030836	1	25.25	1.0	26.25
379	Hà Đình	Công	THV001592	1	22.75	3.5	26.25
380	Đinh Thị	Hường	LNH004614	1	22.75	3.5	26.25
381	Nguyễn Nhật	Lệ	TND013711	1	24.75	1.5	26.25
382	Nguyễn Thị	Định	BKA003042	1	23.25	3.0	26.25
383	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011476	1	25.25	1.0	26.25
384	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	1	25.25	1.0	26.25
385	Hoàng Thị Lan	Anh	TND000369	1	24.75	1.5	26.25
386	Lê Thị Thanh	Huyền	KQH006144	1	25.75	0.5	26.25
387	Hoàng Thị	Lực	KQH008501	1	22.75	3.5	26.25
388	Lê Thị	Hiền	TDV009806	1	24.75	1.5	26.25
389	Nguyễn Thị	Hồng	TND009799	1	24.75	1.5	26.25
390	Nguyễn Thị	Hằng	TDV009221	1	24.75	1.5	26.25
391	Lã Thị	Thanh	TQU004948	1	24.75	1.5	26.25
392	Lý Thị Tuyết	Nhung	THV009898	1	22.75	3.5	26.25
393	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007420	1	24.75	1.5	26.25
394	Vũ Phương	Hoa	TQU001940	1	22.75	3.5	26.25
395	Lù Thị	Trang	THV013768	1	22.75	3.5	26.25
396	Đồng Mai	Phương	TND019770	1	22.75	3.5	26.25
397	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	YTB016406	1	25.25	1.0	26.25
398	Đặng Thị Thanh	Hà	TND006161	1	22.75	3.5	26.25
399	Nguyễn Thị	Lành	TDV015733	1	24.75	1.5	26.25
400	Vi Thị	Thuyết	THV013199	1	22.75	3.5	26.25
401	Lê Thúy	Nga	DHU013914	1	25.75	0.5	26.25
402	Lê Thị Hồng	Ngát	YTB015320	1	25.25	1.0	26.25
403	Vũ Thị Bích	Châm	THP001451	1	25.75	0.5	26.25
404	Lương Thị	Bình	HDT002193	1	22.75	3.5	26.25
405	Đỗ Thị Thảo	Anh	YTB000268	1	25.75	0.5	26.25
406	Hoàng Thị	Hồng	TLA005694	1	25.75	0.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Nhữ Thị Ngọc	ánh	TLA001473	1	25.75	0.5	26.25
408	Đình Hoàng	Mai	HDT015943	1	24.75	1.5	26.25
409	Lương ý	Dung	KQH002046	1	22.75	3.5	26.25
410	Vương Thị Linh	Chi	HDT002573	1	24.75	1.5	26.25
411	Lại Thị Bình	Huế	DHU007894	1	25.75	0.5	26.25
412	Nguyễn Thị Mai	Hương	TDV014432	1	25.75	0.5	26.25
413	Đỗ Thuỳ	Duyên	TQU000975	1	22.75	3.5	26.25
414	Nguyễn Văn	Thiên	THP013793	1	25.25	1.0	26.25
415	Phan Thị	Thương	TDV031159	1	24.75	1.5	26.25
416	Phạm Thị	Loan	YTB013323	1	25.25	1.0	26.25
417	Lê Thị Khánh	Ly	TDV018286	1	25.75	0.5	26.25
418	Lê Thị Bình	Tiên	TDV031309	1	24.75	1.5	26.25
419	Nguyễn Thị	Tình	HHA014236	1	25.25	1.0	26.25
420	Trần Thị Phương	Anh	HHA000947	1	24.75	1.5	26.25
421	Lê Thị	Thúy	HHA013877	1	25.75	0.5	26.25
422	Phạm Văn	Thảo	TND023293	1	24.75	1.5	26.25
423	Hoàng Thị	Duyên	TND004302	1	22.75	3.5	26.25
424	Đỗ Thị	Hoa	THV004702	1	24.75	1.5	26.25
425	Trần Thị	Hạnh	TDV008707	1	24.75	1.5	26.25
426	Hồ Thị	Mỹ	TDV019662	1	24.75	1.5	26.25
427	Lò Thị	Dung	THV002060	1	22.75	3.5	26.25
428	Lê Thị	Hà	HDT006658	1	25.25	1.0	26.25
429	Tòng Thị	Nguyên	TTB004453	2	22.50	3.5	26.00
430	Đào Thị	Yến	KQH016529	2	25.00	1.0	26.00
431	Vũ Thị	Phương	YTB017528	2	25.00	1.0	26.00
432	Trương Thị Thu	Trang	SPH017853	2	25.00	1.0	26.00
433	Tòng Thị	Thu	THV012859	2	22.50	3.5	26.00
434	Trần Lan	Hương	YTB010877	2	25.50	0.5	26.00
435	Trần Minh	Quang	THV010774	2	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Nguyễn Lưu	Ly	TQU003474	2	24.50	1.5	26.00
437	Nguyễn Đức	Công	LNH001193	2	25.50	0.5	26.00
438	Lê Thị	Thư	THV013212	2	22.50	3.5	26.00
439	Đỗ Thị	Giang	SPH004466	2	25.00	1.0	26.00
440	Vàng Thị	ánh	TTB000324	2	22.50	3.5	26.00
441	Vũ Thị Yến	Nhi	THP010824	2	25.50	0.5	26.00
442	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	TTN013748	2	24.50	1.5	26.00
443	Trần Thị	Anh	THP000856	2	25.00	1.0	26.00
444	Đỗ Ngọc	Anh	TND000176	2	24.50	1.5	26.00
445	Nguyễn Minh	Huyền	TDV013506	2	25.50	0.5	26.00
446	Nguyễn Thị	Yến	TQU006635	2	24.50	1.5	26.00
447	Triệu Thị Thu	Hường	TND012247	2	22.50	3.5	26.00
448	Bàn Thị	Hường	TND012100	2	22.50	3.5	26.00
449	Nông Văn	Nam	TTB004168	2	22.50	3.5	26.00
450	Nguyễn Thị Tú	Anh	TTB000196	2	24.50	1.5	26.00
451	Trần Thị Thu	Thủy	THV012932	2	24.50	1.5	26.00
452	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	2	25.00	1.0	26.00
453	Dương Thị	Dung	SPH002980	1	25.50	0.5	26.00
454	Nguyễn Thị	Nhàn	THP010708	1	25.00	1.0	26.00
455	Nguyễn Bích	Ngọc	TQU003919	1	24.50	1.5	26.00
456	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	1	25.00	1.0	26.00
457	Mai Thị Thanh	Hà	TQU001412	1	24.50	1.5	26.00
458	Bùi Thị	Mến	HDT016401	1	22.50	3.5	26.00
459	Phạm Nhật	Lệ	THP008015	1	25.00	1.0	26.00
460	Đỗ Thị	Duyên	KQH002424	1	25.50	0.5	26.00
461	Lê Thị	Loan	HDT015087	1	24.50	1.5	26.00
462	Nông Thị Mai	Trang	TND026625	1	22.50	3.5	26.00
463	Phạm Thị	Huyền	HDT011613	1	25.00	1.0	26.00
464	Đào Thùy	Trang	TQU005766	1	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Hoàng Thị	Ninh	TND019159	1	22.50	3.5	26.00
466	Nguyễn Bích	Hòa	TTB002379	1	24.50	1.5	26.00
467	Nguyễn Thị Anh	Thư	TTB006447	1	24.50	1.5	26.00
468	Vì Thị Thảo	Ly	TND015781	1	22.50	3.5	26.00
469	Chu Thị	Ngọc	YTB015579	1	25.00	1.0	26.00
470	Phàn Thị	Mấy	TQU003576	1	22.50	3.5	26.00
471	Hoàng Thị	Hoa	THP005281	1	25.00	1.0	26.00
472	Nguyễn Thị Hương	Lan	THV006923	1	22.50	3.5	26.00
473	Lê Thị	Hạnh	HDT007502	1	23.50	2.5	26.00
474	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029704	1	24.50	1.5	26.00
475	Nguyễn Thị	Thuận	TDV030027	1	25.00	1.0	26.00
476	Triệu Tồn	Man	DCN007229	1	22.50	3.5	26.00
477	Chu Thị	Hương	TDV014213	1	24.50	1.5	26.00
478	Nguyễn Thị	Trang	HDT026850	1	25.00	1.0	26.00
479	Hoàng Thị	Trang	TQU005793	1	22.50	3.5	26.00
480	Võ Thị Tuyết	Mây	TDV019139	1	24.50	1.5	26.00
481	Dương Thị Quỳnh	Trang	TDV032074	1	24.50	1.5	26.00
482	Nguyễn Thị	Huệ	HDT010545	1	25.00	1.0	26.00
483	Lê Thị Minh	Thu	TQU005354	1	24.50	1.5	26.00
484	Nguyễn Thị	Vân	TDV035844	1	24.50	1.5	26.00
485	Trần Thị	Trang	TDV033109	1	24.50	1.5	26.00
486	Phạm Lâm	Oanh	LNH007144	1	24.50	1.5	26.00
487	Lê Thị	Ninh	HDT019102	1	25.00	1.0	26.00
488	Dương Thùy	Linh	SPH009423	1	24.50	1.5	26.00
489	Hoàng Thị	Tấm	TND022175	1	22.50	3.5	26.00
490	Đồng Thị Ngọc	Thơ	KQH013257	1	22.50	3.5	26.00
491	Nguyễn Thị	Quỳnh	TDV025522	1	25.00	1.0	26.00
492	Hà Kim	Oanh	TTB004678	1	24.50	1.5	26.00
493	Nguyễn Văn	Thành	THV012023	1	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
494	Phạm Thị Kiều	Dung	DHU002905	1	24.50	1.5	26.00
495	Dương Ngọc	Yến	TTB007665	1	24.50	1.5	26.00
496	Nguyễn Thu	Trang	HDT026991	1	22.50	3.5	26.00
497	Vũ Thị ánh	Tuyết	THP016392	1	25.50	0.5	26.00
498	Nguyễn Mạnh	Linh	SPH009822	1	25.00	1.0	26.00
499	Trần Thị Thanh	Mai	THP009299	1	25.50	0.5	26.00
500	Lê Phùng Thùy	Dương	TTB001343	1	24.50	1.5	26.00
501	Trần Mạnh	Cường	TDV004078	1	24.50	1.5	26.00
502	Phạm Thị	Linh	KQH008053	1	25.50	0.5	26.00
503	Hoàng Đình	Tuấn	BAK014247	1	25.50	0.5	26.00
504	Lý Thị Thúy	Hường	TND012163	2	22.25	3.5	25.75
505	Đoàn Thị	Hương	DHU009151	2	24.25	1.5	25.75
506	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	2	25.25	0.5	25.75
507	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	HDT025673	2	25.25	0.5	25.75
508	Nguyễn Huy	Khánh	THV006575	2	25.25	0.5	25.75
509	Chắc Kiều	Hoài	TQU001983	2	22.25	3.5	25.75
510	Triệu Thị	Viên	TND029263	2	22.25	3.5	25.75
511	Lưu Thị	Chuyên	TQU000580	2	22.25	3.5	25.75
512	Bạch Thị Thu	Hiền	SPH005842	2	24.75	1.0	25.75
513	Lê Ngọc	Linh	TND014252	2	24.25	1.5	25.75
514	Đặng Thị	Hồng	KQH005513	2	22.25	3.5	25.75
515	Nguyễn Thị	Thơm	TND024265	2	24.75	1.0	25.75
516	Lương Thị Thu	Hoài	DCN004228	2	25.25	0.5	25.75
517	Hoàng Lưu	Ly	TQU003457	1	24.25	1.5	25.75
518	Phạm Như Thu	Hường	YTB011074	1	25.25	0.5	25.75
519	Lâm Thị	Trang	TND026235	1	22.25	3.5	25.75
520	Triệu Anh	Quân	TQU004502	1	22.25	3.5	25.75
521	Sỹ Thị Nhật	Lệ	YTB012157	1	25.25	0.5	25.75
522	Chu Minh	Trang	DCN011617	1	25.25	0.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
523	Nguyễn Thị Diệu	Linh	DHU011248	1	24.25	1.5	25.75
524	Lê Thị	Nhung	HDT018789	1	24.75	1.0	25.75
525	Đình Xuân Lâm	Anh	TDV022809	1	24.75	1.0	25.75
526	Vũ Thị Kiều	Anh	LNH000596	1	22.25	3.5	25.75
527	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	HHA014927	1	25.75		25.75
528	Lê Thị	Dung	HDT003842	1	24.75	1.0	25.75
529	Nguyễn Thị	Phượng	HHA011196	1	25.25	0.5	25.75
530	Nguyễn Thị Đạo	Diễn	TND003429	1	22.25	3.5	25.75
531	Tạ Duy	Thanh	DCN010032	1	25.25	0.5	25.75
532	Nguyễn Thị	Thắm	THV012413	1	22.25	3.5	25.75
533	Phạm Mai	Linh	THP008476	1	25.25	0.5	25.75
534	Phùng Thị Thu	Huế	TND010121	1	22.25	3.5	25.75
535	Lê Thị Thanh	Thảo	THP013315	1	24.75	1.0	25.75
536	Bùi Thị	Ngân	HDT017604	1	24.75	1.0	25.75
537	Trần Thị Kim	Chi	SPH002449	1	24.75	1.0	25.75
538	Trần Thị Trà	My	LNH006246	1	24.25	1.5	25.75
539	Lương Đình	Hùng	TND010463	1	22.25	3.5	25.75
540	Bế Thị Lệ	Thủy	TND024753	1	22.25	3.5	25.75
541	Đình Thị Ngọc	Hà	TND006154	1	22.25	3.5	25.75
542	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	THV009525	1	24.25	1.5	25.75
543	Trần Anh	Tuấn	TND028015	1	24.25	1.5	25.75
544	Lê Thị Phương	Mai	TQU003510	1	24.25	1.5	25.75
545	Hoàng Thuý	Kiều	TND013066	1	22.25	3.5	25.75
546	Hoàng Thị	Phượng	SPH013614	1	25.25	0.5	25.75
547	Nguyễn Thị	Thạch	KQH012186	1	25.25	0.5	25.75
548	Trịnh Thị	Phượng	HDT020281	1	22.25	3.5	25.75
549	Nguyễn Thị	Linh	TDV016872	1	24.25	1.5	25.75
550	Nguyễn Thị	Hương	TDV014409	1	24.25	1.5	25.75
551	Lưu Thị Thúy	Huyền	TQU002443	1	22.25	3.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
552	Quan Ngọc	Linh	TND014718	2	22.00	3.5	25.50
553	Lê Thu	Hà	TTB001744	2	24.00	1.5	25.50
554	Lý Ngọc	Linh	TND014313	2	22.00	3.5	25.50
555	Lý Thị	Nường	TND019243	2	22.00	3.5	25.50
556	Đàm Thị Minh	Nguyệt	TND018334	2	22.00	3.5	25.50
557	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005323	2	24.00	1.5	25.50
558	Đinh Thị Hà	Duyên	LNH001702	2	25.00	0.5	25.50
559	Trần Thị Thu	Hà	THV003630	2	25.00	0.5	25.50
560	Bùi Thị	Nhớ	LNH006909	2	22.00	3.5	25.50
561	Mào Thị	Duyên	TTB001294	2	22.00	3.5	25.50
562	Đào Khánh	Dương	TTB001330	1	24.00	1.5	25.50
563	Nguyễn Anh	Tuấn	THV014555	1	24.00	1.5	25.50
564	Hoàng Thị	Phùng	TQU004283	1	22.00	3.5	25.50
565	Nguyễn Ngọc	Linh	LNH005340	1	24.00	1.5	25.50
566	Nguyễn Thùy	Trang	THV013923	1	24.50	1.0	25.50
567	Hà Thị Thùy	Viên	THV015191	1	22.00	3.5	25.50
568	Hứa Thị	Kiều	TND013056	1	22.00	3.5	25.50
569	Trương Thị Thu	Huyền	TQU002517	1	23.00	2.5	25.50
570	Chế Thị	Nhung	TDV022280	1	25.00	0.5	25.50
571	Bùi Thúy	Phương	TND019710	1	22.00	3.5	25.50
572	Vi Thị	Hồng	TND009891	1	22.00	3.5	25.50
573	Nguyễn Thị Ly	Ly	TDV018365	1	22.00	3.5	25.50
574	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010125	1	24.50	1.0	25.50
575	Từ Thị	Lý	TDV018537	1	24.00	1.5	25.50
576	Phương Thị	Hảo	TND007201	1	22.00	3.5	25.50
577	Bùi Ngọc	Lan	LNH004941	1	22.00	3.5	25.50
578	Nông Thị	Phượng	TND020262	1	22.00	3.5	25.50
579	Lê Thị	Như	TDV022628	1	24.00	1.5	25.50
580	Trần Thị	Liên	TQU003045	1	24.00	1.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
581	Trần Thị	Huyền	TND011376	1	22.00	3.5	25.50
582	Lê Hồng	Khanh	LNH004740	1	25.00	0.5	25.50
583	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	HDT018427	1	24.00	1.5	25.50
584	Phạm Quốc	Thịnh	LNH008892	1	23.00	2.5	25.50
585	Tần Thị	Thảo	THV012338	1	22.00	3.5	25.50
586	Lê Như	Quỳnh	HDT021025	1	24.50	1.0	25.50
587	Lê Thị	Loan	HDT015081	1	24.00	1.5	25.50
588	Lò Văn	Thêm	TTB006079	1	22.00	3.5	25.50
589	Nguyễn Quốc	Tuấn	SPH018613	1	25.00	0.5	25.50
590	Lã Thị Diệu	Linh	LNH005291	1	24.00	1.5	25.50
591	Nguyễn Phương	Thảo	HDT023264	2	24.75	0.5	25.25
592	Trần Thị	Thơ	TDV029629	2	24.25	1.0	25.25
593	Phạm Thị Thu	Thảo	TND023291	2	21.75	3.5	25.25
594	Nguyễn Thị Thanh	Lộc	KHA006173	2	24.75	0.5	25.25
595	Nguyễn Đình	Tiến	DCN011427	2	24.25	1.0	25.25
596	Lèo Huyền	Trang	DCN011720	2	21.75	3.5	25.25
597	Bùi Thị Quỳnh	Hương	DCN005243	2	21.75	3.5	25.25
598	Hứa Thị	Tươi	TND028723	2	21.75	3.5	25.25
599	Nông Thị Mai	Chi	TND002289	2	21.75	3.5	25.25
600	Nguyễn Thị Thu	Hoài	SPH006705	2	23.75	1.5	25.25
601	Lương Trần Linh	Chi	TND002248	2	21.75	3.5	25.25
602	Đỗ Thị	Linh	TND014063	2	23.75	1.5	25.25
603	Vũ Văn	Linh	KQH008144	2	24.75	0.5	25.25
604	Hà Văn	Long	HDT015212	1	21.75	3.5	25.25
605	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000602	1	24.25	1.0	25.25
606	Hoàng Hải	Hiệp	TND008147	1	21.75	3.5	25.25
607	Lê Thị	Ngọc	HDT017949	1	24.75	0.5	25.25
608	Nguyễn Thị	Liên	HDT013667	1	24.25	1.0	25.25
609	Ngô Xuân	Trường	HVN011476	1	24.25	1.0	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
610	Thiều Thị	Trình	HDT027451	1	24.75	0.5	25.25
611	Nguyễn Khánh	Huyền	TND011177	1	21.75	3.5	25.25
612	Mai Thị	Trang	HDT026674	1	24.25	1.0	25.25
613	Dương Thị	Lương	TND015496	1	24.25	1.0	25.25
614	Ma Hoài	Thương	TND025339	1	21.75	3.5	25.25
615	Hà Thị	Hoa	LNH003408	1	21.75	3.5	25.25
616	Phan Thị Khuyên	Giang	TDV007432	1	23.25	2.0	25.25
617	Trần Thùy	Giang	HDT006459	1	24.25	1.0	25.25
618	Trần Thị ánh	Tuyết	DCN012864	1	24.25	1.0	25.25
619	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007419	1	21.75	3.5	25.25
620	Nguyễn Văn	Tuấn	TDV034886	1	21.75	3.5	25.25
621	Nguyễn Thị Tú	Quyên	HDT020820	1	24.25	1.0	25.25
622	Đình Thị	Hảo	TND007146	1	21.75	3.5	25.25
623	Mai Đình	Thành	HDT022834	1	24.25	1.0	25.25
624	Ma Thị	Huế	TND010086	1	21.75	3.5	25.25
625	Nguyễn Minh	Thúy	THV013150	1	23.75	1.5	25.25
626	Nguyễn Thanh	Tùng	THP016190	2	24.50	0.5	25.00
627	Hoàng Minh	Ngọc	TND017928	2	21.50	3.5	25.00
628	Phùng Thị	Mai	TND016070	2	21.50	3.5	25.00
629	Cà Thị	Quyên	TTB005106	2	21.50	3.5	25.00
630	Đỗ Thị	Mận	SPH011222	2	24.00	1.0	25.00
631	Nguyễn Thị Nhật	Huệ	TND010280	2	21.50	3.5	25.00
632	Đỗ Mạnh	Khánh	DCN005638	2	24.50	0.5	25.00
633	Ly Thị	Mỹ	TTB004096	2	21.50	3.5	25.00
634	Nông Thị	Hợp	TND009923	2	21.50	3.5	25.00
635	Giàng Thị	Cúc	TTB000864	2	21.50	3.5	25.00
636	Phan Thị	Trình	TTB006890	2	23.50	1.5	25.00
637	Hoàng Thị	Huệ	TND010181	2	21.50	3.5	25.00
638	Chu Thị Kim	Chi	TND002199	2	23.50	1.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
639	Trần Hồng	Hạnh	TTB001945	1	23.50	1.5	25.00
640	Phạm Việt	Hoa	TTB002337	1	23.50	1.5	25.00
641	Hoàng Thị Huyền	Trang	HDT026366	1	24.00	1.0	25.00
642	Hoàng Thị	Vân	TND029059	1	21.50	3.5	25.00
643	Mai Thị	Thảo	HDT023246	1	24.00	1.0	25.00
644	Trịnh Thị Lan	Tường	HDT029259	1	23.50	1.5	25.00
645	Giàng A	Sênh	THV011312	1	21.50	3.5	25.00
646	Phạm Thị	Linh	HDT014743	1	24.00	1.0	25.00
647	Trần Thị	Kiều	HDT013015	1	23.50	1.5	25.00
648	Vũ Thị Thu	Hoài	TND009223	1	23.50	1.5	25.00
649	Lường Thị	Nguyệt	TTB004479	1	21.50	3.5	25.00
650	Ngô Thị	Duyên	TDV005300	1	23.50	1.5	25.00
651	Vũ Thị Tuyết	Băng	TND001635	1	23.50	1.5	25.00
652	Nguyễn Thị Việt	Phương	THP011646	1	24.50	0.5	25.00
653	Vũ Thị Kim	Khánh	YTB011385	1	24.50	0.5	25.00
654	Lê Thị	Huyền	HDT011361	1	21.50	3.5	25.00
655	Lê Thị	Dung	HDT003850	1	24.00	1.0	25.00
656	Lộc Thị	Lệ	TND013691	1	21.50	3.5	25.00
657	Vũ Thị	Dương	THP002855	1	24.50	0.5	25.00
658	Nông Thị	Tinh	TND025686	2	21.25	3.5	24.75
659	Đinh Thị	Dự	TQU001020	2	21.25	3.5	24.75
660	Lý Mùi	Chuổng	TND002712	2	21.25	3.5	24.75
661	Tăng Thị	Chang	THP001430	2	23.75	1.0	24.75
662	Trần Thị	Phượng	HHA011396	2	21.25	3.5	24.75
663	Nông Thị Yến	Nhi	TND018706	2	21.25	3.5	24.75
664	Nguyễn Thị	Hiên	SPH005915	2	23.75	1.0	24.75
665	Hà Văn	Thắm	HDT023531	2	21.25	3.5	24.75
666	Hoàng Thị	Dung	TND003690	2	21.25	3.5	24.75
667	Từ Thị	Tuyến	TND028584	2	23.25	1.5	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
668	Nông Thị Lan	Anh	TND000937	2	21.25	3.5	24.75
669	Trần Thị	Hoàn	YTB008625	2	23.75	1.0	24.75
670	Phùng Thị	Phượng	TND020269	2	21.25	3.5	24.75
671	Phan Lê Minh	Phượng	TDV024090	2	24.25	0.5	24.75
672	Phùng Thị Ngọc	ánh	THV000842	2	23.25	1.5	24.75
673	Trần Thị Vân	Anh	DCN000700	2	24.25	0.5	24.75
674	Lý Thị	Thanh	TND022460	2	21.25	3.5	24.75
675	Bùi Thị	Dung	HDT003743	1	23.75	1.0	24.75
676	Nông Quốc	Cường	TND003259	1	21.25	3.5	24.75
677	Liềng Thị	Mai	THV008399	1	21.25	3.5	24.75
678	Phạm Thị	Hằng	TDV009352	1	23.75	1.0	24.75
679	Quách Xương	Trang	HDT027109	1	21.25	3.5	24.75
680	Lò Thạc	Khuê	THV006689	1	21.25	3.5	24.75
681	Nguyễn Tuấn	Cương	THP001861	1	23.75	1.0	24.75
682	Lý Thị	Hạnh	TND006945	1	21.25	3.5	24.75
683	Nguyễn Tuyết	Mai	TDV018744	1	23.75	1.0	24.75
684	Chu Khánh	Huyền	TND010989	1	21.25	3.5	24.75
685	Nguyễn Thị	Hoài	HDT009611	1	23.75	1.0	24.75
686	Nguyễn Nhã	Đồng	TDV006478	1	23.75	1.0	24.75
687	Phạm Hữu	Tuyền	THP016305	1	23.75	1.0	24.75
688	Nguyễn Thị	Loan	TQU003320	1	23.25	1.5	24.75
689	Đình Minh	Đức	KQH003135	1	24.25	0.5	24.75
690	Hoàng Thanh	Thương	TND025321	1	21.25	3.5	24.75
691	Doãn Thị	Tĩnh	TDV031596	1	23.25	1.5	24.75
692	Hoàng Ngọc	Luyến	TND015391	1	21.25	3.5	24.75
693	Phạm Thị Hương	Giang	LNH002395	1	23.25	1.5	24.75
694	Nguyễn Thị	Liên	TQU003036	1	23.25	1.5	24.75
695	Triệu Ngọc	Chiến	TQU000481	2	21.00	3.5	24.50
696	Đặng Mạnh	Hùng	TQU002264	2	23.00	1.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
697	Dương Phước	Sang	SPH014607	2	24.00	0.5	24.50
698	Đào Huyền	My	TND016779	2	24.00	0.5	24.50
699	Giàng Văn	Tư	TQU006328	2	21.00	3.5	24.50
700	Lò Thị	Thần	TTB006066	2	21.00	3.5	24.50
701	Vì Thị	Hảo	TDV008884	2	21.00	3.5	24.50
702	Lò Thị	Thanh	TTB005665	2	21.00	3.5	24.50
703	Hoàng Thị Thanh	Lam	TND013170	2	21.00	3.5	24.50
704	Chầu Thị	Ly	TQU003450	2	21.00	3.5	24.50
705	Bùi Văn	Nghiệp	YTB015529	2	23.50	1.0	24.50
706	Pờ Gia	Pố	TTB004995	2	21.00	3.5	24.50
707	Nguyễn Thị	Thùy	TND024717	2	21.00	3.5	24.50
708	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	2	21.00	3.5	24.50
709	Lộc Thị Lan	Anh	TND000445	2	21.00	3.5	24.50
710	Đào Thị	Thu	THP014025	2	23.50	1.0	24.50
711	Nguyễn Thị	Hằng	SPH005644	2	23.50	1.0	24.50
712	Hoàng Kim	Phú	TND019597	2	21.00	3.5	24.50
713	Điêu Thị	Vân	TTB007425	2	21.00	3.5	24.50
714	Nguyễn Mạnh	Cường	TND003195	1	24.00	0.5	24.50
715	Phạm Thị Thuỳ	Linh	TDV017190	1	23.50	1.0	24.50
716	Trương Thị	Hoa	HDT009348	1	23.50	1.0	24.50
717	Lương Kim	Hoàn	TND009285	1	21.00	3.5	24.50
718	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	TDV021203	1	23.00	1.5	24.50
719	Lương Thị	Thắm	TTB005973	1	21.00	3.5	24.50
720	Trần Thái	Bảo	SPH001971	1	24.50		24.50
721	Hà Thị	Phương	TTB004860	1	21.00	3.5	24.50
722	Nguyễn Thị	Thủy	TQU005470	1	23.00	1.5	24.50
723	Trần Thị Phương	Linh	THV007788	1	21.00	3.5	24.50
724	Lương Thị	Linh	HDT014285	1	23.00	1.5	24.50
725	Đoàn Thị Hồng	Ly	YTB013807	1	24.00	0.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
726	Lò Thị	Lan	TTB003310	1	21.00	3.5	24.50
727	Nguyễn Thị	Hường	LNH004641	1	23.00	1.5	24.50
728	Trần Thị Huyền	Trang	TND026732	1	21.00	3.5	24.50
729	Chu Thị	Chiều	TND002443	1	21.00	3.5	24.50
730	Trương Thành	Đức	BKA003356	1	24.00	0.5	24.50
731	Vũ Thị Yến	Chi	SPH002462	1	23.00	1.5	24.50
732	Nguyễn Thị	Tuần	TQU006088	1	21.00	3.5	24.50
733	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	1	23.00	1.5	24.50
734	Nguyễn Thị	Thanh	HDT022629	1	22.50	2.0	24.50
735	Đào Thị	Thúy	TND024976	1	23.00	1.5	24.50
736	Trần Thị	Hiền	THP004893	1	23.50	1.0	24.50
737	Nguyễn Thị	Loan	BKA007942	3	23.25	1.0	24.25
738	Long Thị	Vân	TND029083	2	20.75	3.5	24.25
739	Chấu Thị	Thủy	TQU005415	2	20.75	3.5	24.25
740	Vũ Thị Hoài	Linh	THV007829	2	22.75	1.5	24.25
741	Hoàng Thị Huyền	Chang	TND002064	2	20.75	3.5	24.25
742	Ngũ Thị	Thảo	TQU005075	2	20.75	3.5	24.25
743	Vũ Ngọc Quỳnh	Trang	BKA013696	2	24.25		24.25
744	Vũ Hương	Hà	TND006516	2	20.75	3.5	24.25
745	Nguyễn Thị	Tấm	YTB019074	2	23.25	1.0	24.25
746	Phạm Thị	Lan	HDT013272	2	22.75	1.5	24.25
747	Nguyễn Thị	Doanh	TND003593	2	22.75	1.5	24.25
748	Đinh Thị	Thu	TQU005345	2	22.75	1.5	24.25
749	Phùng Thị	Hồng	SPH007055	2	23.25	1.0	24.25
750	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DCN003740	2	23.75	0.5	24.25
751	Trịnh Thị Bích	Ngọc	TTB004420	2	22.75	1.5	24.25
752	Nguyễn Thị	Ngát	HDT017591	2	23.25	1.0	24.25
753	Đào Duy	Hải	TLA004256	2	23.75	0.5	24.25
754	Phạm Thị	Bình	HDT002247	1	20.75	3.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
755	Đỗ Thị	Thảo	THV012108	1	20.75	3.5	24.25
756	Vũ Hồng	Phượng	THV010669	1	22.75	1.5	24.25
757	Lê Thị	Linh	SPH009611	1	23.75	0.5	24.25
758	Trần Thị	Nha	TND018488	1	20.75	3.5	24.25
759	Đinh Thị	Liên	LNH005113	1	20.75	3.5	24.25
760	Hoàng Thị	Hạnh	HDT007478	1	23.25	1.0	24.25
761	Bùi Thị	Duyên	TDV005217	1	23.25	1.0	24.25
762	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007020	1	22.25	2.0	24.25
763	Lê Thị	Giang	HDT006293	1	23.25	1.0	24.25
764	Nguyễn Thị Hồng	Trang	HHA014609	1	23.75	0.5	24.25
765	Bùi Thị	Trang	LNH009651	1	20.75	3.5	24.25
766	Đỗ Thị	Uyên	KQH015940	1	23.75	0.5	24.25
767	Lưu Khánh	Linh	SPH009654	1	20.75	3.5	24.25
768	Nguyễn Ngọc	ánh	DCN000815	2	20.50	3.5	24.00
769	Hoàng Thị	Quỳnh	HDT021007	2	20.50	3.5	24.00
770	Trần Hồng	Hạnh	HDT007612	2	23.50	0.5	24.00
771	Tần San	Mấy	THV008633	2	20.50	3.5	24.00
772	Hà Diệu	Hằng	TTB002003	2	20.50	3.5	24.00
773	Hoàng Thị	Thắm	TND023427	2	20.50	3.5	24.00
774	Mã Thị Hương	Lan	TND013292	2	20.50	3.5	24.00
775	Hoàng Hồng	Thoa	TND024081	2	20.50	3.5	24.00
776	Vừ Lao	Vàng	TTB007401	2	20.50	3.5	24.00
777	Nùng Thị Thanh	Huyền	THV005903	2	20.50	3.5	24.00
778	Phạm Thị	Lý	HDT015892	2	22.50	1.5	24.00
779	Ngô Thị	Hà	HDT006762	2	22.50	1.5	24.00
780	Trần Thị Hồng	Nhung	NLS008795	2	22.50	1.5	24.00
781	Lò Văn	Thủy	TTB006374	2	20.50	3.5	24.00
782	Dương Thị	Thu	TQU005343	2	20.50	3.5	24.00
783	Lý Thị	Niệm	TND019129	2	20.50	3.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
784	Lương Thị	Thủy	TQU005461	2	20.50	3.5	24.00
785	Trần Thu	Huyền	TQU002515	1	20.50	3.5	24.00
786	Ngô Văn	Chính	THP001673	1	23.00	1.0	24.00
787	Vũ Duy	Tiến	HHA014203	1	22.50	1.5	24.00
788	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029685	1	23.00	1.0	24.00
789	Đinh Thị	Phượng	TDL011197	1	22.50	1.5	24.00
790	Lữ Thị Hải	Yến	TLA015865	1	23.50	0.5	24.00
791	Trần Thị Thủy	Tiên	TDV031339	1	23.00	1.0	24.00
792	Chu Tú	Anh	TND000127	1	20.50	3.5	24.00
793	Đỗ Thị	Phượng	HDT019670	1	22.50	1.5	24.00
794	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009235	1	23.00	1.0	24.00
795	Ma Thị	Lan	TQU002923	1	20.50	3.5	24.00
796	Phạm Thị	Hiền	HDT008582	1	22.50	1.5	24.00
797	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005348	1	23.00	1.0	24.00
798	Mã Thu	Thủy	NLS012268	1	22.50	1.5	24.00
799	Phạm Ngọc	Ngà	THP010082	1	23.50	0.5	24.00
800	Bùi Thị Phượng	Loan	LNH005532	1	20.50	3.5	24.00
801	Hoàng Kim	Cúc	TND002938	1	20.50	3.5	24.00
802	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DCN010306	1	23.50	0.5	24.00
803	Phạm Thị Khánh	Huyền	TQU002484	1	22.50	1.5	24.00
804	Chu Thúy	Hiền	TQU001685	1	20.50	3.5	24.00
805	Phùng Văn	Pu	TND020306	1	20.50	3.5	24.00
806	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	TND007016	1	23.50	0.5	24.00
807	Nguyễn Thị	Nhung	TTB004592	1	22.50	1.5	24.00
808	Phùng Thị	Oanh	TND019393	1	20.50	3.5	24.00
809	Vũ Thị	Nữ	TND019228	1	22.50	1.5	24.00
810	Vũ Thị	Tư	YTB024658	4	22.75	1.0	23.75
811	Nông Thị	Thơm	TND024271	2	20.25	3.5	23.75
812	Dương Thị	Sâm	HDT021448	2	22.75	1.0	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
813	Nguyễn Thanh	Nhàn	TQU004033	2	22.25	1.5	23.75
814	Hoàng Văn	Kiệm	TTB003199	2	20.25	3.5	23.75
815	Nguyễn Lan	Anh	KQH000363	2	22.25	1.5	23.75
816	Nguyễn Thị	Mai	TQU003519	2	22.25	1.5	23.75
817	Phạm Thị Hồng	ánh	THV000840	2	22.25	1.5	23.75
818	Lò Văn	Chưởng	TTB000807	2	20.25	3.5	23.75
819	Nguyễn Thị	Nguyệt	TDV021707	2	22.25	1.5	23.75
820	Lương Thị	Phương	TDV023878	2	22.75	1.0	23.75
821	Nông Phan Trung	Đức	TND005650	2	20.25	3.5	23.75
822	Linh Văn	Phong	TND019536	2	20.25	3.5	23.75
823	Quàng Văn	Kẻo	TTB003029	2	20.25	3.5	23.75
824	Nguyễn Thị Hồng	Yến	TDV036990	1	22.25	1.5	23.75
825	Trần Hữu	Đức	TDV006981	1	23.25	0.5	23.75
826	Nguyễn Ngọc	ánh	THV000805	1	22.25	1.5	23.75
827	Chu Thị	Hồng	TND009691	1	20.25	3.5	23.75
828	Đặng Hồng	Gấm	LNH002301	1	22.25	1.5	23.75
829	Nguyễn Hương	Ly	HHA008804	1	23.25	0.5	23.75
830	Ngô Thị	Hằng	TND007355	1	22.75	1.0	23.75
831	Nguyễn Thị	Trang	LNH009851	1	23.25	0.5	23.75
832	Hoàng Thị	Mai	TDV018620	1	22.75	1.0	23.75
833	Nguyễn Thị	Minh	THP009563	1	23.25	0.5	23.75
834	Hoàng Thị	Xuân	HVN012416	1	22.75	1.0	23.75
835	Quàng Văn	Quyển	THV010988	1	20.25	3.5	23.75
836	Trần Thị	Tâm	TND022148	1	20.25	3.5	23.75
837	Vũ Thị Tú	Linh	TDV017454	1	22.75	1.0	23.75
838	Dương Thị	Thanh	TND022393	1	22.75	1.0	23.75
839	Nguyễn Thị	ánh	LNH000670	1	23.25	0.5	23.75
840	Lê Đình	Tuấn	HDT028213	1	22.75	1.0	23.75
841	Nguyễn Thị	Mùi	TDV019535	1	22.25	1.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
842	Bùi Anh	Tuấn	LNH010243	2	20.00	3.5	23.50
843	Ma Thị	Thảo	TQU005070	2	20.00	3.5	23.50
844	Hà Thị	Huỳnh	TQU002531	2	20.00	3.5	23.50
845	Chu Thị Bích	Loan	TND014918	2	20.00	3.5	23.50
846	Bùi Khánh	Huyền	TTB002776	2	22.00	1.5	23.50
847	Nguyễn Thị	Hiền	TDV009941	2	23.00	0.5	23.50
848	Sĩ Thị Thanh	Thúy	HVN010450	2	22.50	1.0	23.50
849	Hoàng Thị	Xuân	TND029773	2	20.00	3.5	23.50
850	Thào A	Sam	TTB005250	2	20.00	3.5	23.50
851	Trần Đức	Dũng	HDT004396	1	22.50	1.0	23.50
852	Vũ Thị Thanh	Hiền	THV004398	1	22.00	1.5	23.50
853	Nguyễn Thị	Thoan	TDV029460	1	22.50	1.0	23.50
854	Nguyễn Thanh	Bình	TTB000419	1	22.00	1.5	23.50
855	Vì Phương	Thảo	TDV028494	1	20.00	3.5	23.50
856	Hoàng Thị	Gió	TQU001378	1	20.00	3.5	23.50
857	Nguyễn Thị Lan	Anh	HDT001069	1	22.50	1.0	23.50
858	Hà Thị Thu	Trang	THV013695	1	20.00	3.5	23.50
859	Tô Thị	Hường	TND012241	1	20.00	3.5	23.50
860	Nông Văn	Quân	TND020573	1	20.00	3.5	23.50
861	Nguyễn Thị	Ngọc	HHA010156	1	23.00	0.5	23.50
862	Quảng Thị	Phương	TTB004924	1	20.00	3.5	23.50
863	Nguyễn Thu	Huyền	SPH007942	1	22.50	1.0	23.50
864	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011511	1	22.00	1.5	23.50
865	Bùi Thị	Thùy	HDT024756	1	22.50	1.0	23.50
866	Trần Ngọc	ánh	THV000852	1	22.00	1.5	23.50
867	Nguyễn Thị	Trâm	YTB023250	1	22.50	1.0	23.50
868	Mai Thị Thủy	Tiên	DND024539	3	22.25	1.0	23.25
869	Vì Văn	Son	THV011363	2	19.75	3.5	23.25
870	Lê Thị Lệ	Quyến	TND020902	2	21.75	1.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
871	Phạm Thị	Lam	HDT013083	2	21.75	1.5	23.25
872	Trần Thị	Nhàn	SPH012889	2	21.75	1.5	23.25
873	Nguyễn Văn	Huỳnh	THP006769	2	22.25	1.0	23.25
874	Mã Thị Hoài	Anh	TND000544	2	19.75	3.5	23.25
875	Giàng A	Dơ	THV001993	2	19.75	3.5	23.25
876	Ngô Phương	Đông	YTB005139	2	22.25	1.0	23.25
877	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000588	2	22.25	1.0	23.25
878	Quách Văn	Long	TQU003359	2	19.75	3.5	23.25
879	Nguyễn Thị	Hiền	THV004312	2	21.75	1.5	23.25
880	Hoàng Thị Nhật	Lệ	THP007990	2	22.25	1.0	23.25
881	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	HDT014558	2	22.75	0.5	23.25
882	Phan Thị	Tĩnh	TND025687	2	19.75	3.5	23.25
883	Nguyễn Thị	Hợp	TDV012355	1	21.75	1.5	23.25
884	Đỗ Trung	Hiếu	YTB007859	1	22.25	1.0	23.25
885	Trần Thị	Nga	THP010043	1	22.25	1.0	23.25
886	Nguyễn Thu	Hà	THP003884	1	22.25	1.0	23.25
887	Lê Thị	Khánh	HDT012671	1	22.25	1.0	23.25
888	Cao Thị	Thơm	THP013977	1	22.25	1.0	23.25
889	Nguyễn Tuấn	Anh	LNH000478	1	19.75	3.5	23.25
890	Nguyễn Hồng	Sơn	TDV026249	1	21.75	1.5	23.25
891	Quách Thị	Châm	LNH000911	1	19.75	3.5	23.25
892	Lò Thị	Thánh	TTB005812	1	19.75	3.5	23.25
893	Nguyễn Thị	ánh	TDV001787	1	21.75	1.5	23.25
894	Phàn Mùi	Máy	TQU003577	1	19.75	3.5	23.25
895	Nguyễn Thị	Lan	TQU002928	1	21.75	1.5	23.25
896	Lục Thị ánh	Đào	HDT005131	1	19.75	3.5	23.25
897	Nguyễn Hải	Nam	HHA009549	1	22.25	1.0	23.25
898	Hoàng Hồng	Hạnh	KQH003939	1	19.75	3.5	23.25
899	Hồ A	Lênh	THV007142	1	19.75	3.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
900	Hoàng Thị	Mến	THV008642	1	21.75	1.5	23.25
901	Phạm Thị	Trang	THV013962	4	21.50	1.5	23.00
902	Vũ Thị Hiền	Hòa	YTB008467	2	22.00	1.0	23.00
903	Nguyễn Lê Kiều	My	TDV019581	2	22.50	0.5	23.00
904	Nguyễn Thị Minh	Dung	SPH003077	2	22.00	1.0	23.00
905	Mê Thị Thu	Hạnh	TTB001932	2	19.50	3.5	23.00
906	Vũ Thị	Thu	TDV029960	2	22.00	1.0	23.00
907	Trần Thị	Dịu	TLA002418	2	22.00	1.0	23.00
908	Phùng Thị	Tuyết	TND028663	2	19.50	3.5	23.00
909	Hoàng Thanh	Hằng	THV004023	2	21.50	1.5	23.00
910	Trịnh Thị	Hoa	TND008866	2	19.50	3.5	23.00
911	Lê Thị	Nhị	HDT018604	2	22.00	1.0	23.00
912	Vũ Thị	Lý	HDT015908	2	22.00	1.0	23.00
913	Vi Thị Bích	Vân	TND029201	2	19.50	3.5	23.00
914	Nguyễn Thị	Hợp	KQH005615	2	22.50	0.5	23.00
915	Hoàng Thị	Thủy	TND024798	1	19.50	3.5	23.00
916	Hồ Sỹ	Vượng	TDV036515	1	22.00	1.0	23.00
917	Nông Thị Mĩ	Lan	TND013373	1	19.50	3.5	23.00
918	Lò Thị	Chung	TTB000738	1	19.50	3.5	23.00
919	Nguyễn Thị	Thanh	THV011888	1	21.50	1.5	23.00
920	Hồ Thị	Yến	TDV036873	1	22.00	1.0	23.00
921	Trần Thương	Thương	THV013317	1	19.50	3.5	23.00
922	Lý Thị Mỹ	Lệ	TND013703	1	19.50	3.5	23.00
923	Vi Thị	Phương	TND020125	1	19.50	3.5	23.00
924	Đào Thị	Thu	HVN010083	1	22.00	1.0	23.00
925	Trần Văn	Tuấn	TND028031	2	19.25	3.5	22.75
926	Doãn Thị Lâm	Phương	TDV023739	2	21.25	1.5	22.75
927	Phan Ngọc	Tiến	SPH017047	2	22.75		22.75
928	Ngôn Nguyệt	ánh	TND001341	2	19.25	3.5	22.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
929	Đinh Thị Kim	Xuyến	TND029851	2	19.25	3.5	22.75
930	Nguyễn Thị	Loan	TQU003318	2	19.25	3.5	22.75
931	Trương Thị Thùy	Linh	TQU003285	2	21.25	1.5	22.75
932	Triệu Văn	Kiểm	TTN008874	1	19.25	3.5	22.75
933	Nông Thị Hồng	Thắm	TND023461	1	19.25	3.5	22.75
934	Trần Thị	Hậu	SPH005825	1	19.25	3.5	22.75
935	Bùi Thị	Hà	HDT006522	1	19.25	3.5	22.75
936	Bùi Thị	Quỳnh	HDT020940	1	21.75	1.0	22.75
937	Lù Ti	Hình	THV004692	1	19.25	3.5	22.75
938	Hà Kiều	Ly	THV008266	1	19.25	3.5	22.75
939	La Phương	Thắm	TND023432	1	19.25	3.5	22.75
940	Phạm Văn	Long	YTB013481	1	21.75	1.0	22.75
941	Nguyễn Thanh	Tuấn	TND027906	1	19.25	3.5	22.75
942	Sùng A	Ná	TTB004102	1	19.00	3.5	22.50
943	Hoàng Thu	Lệ	TND013684	1	19.00	3.5	22.50
944	Đỗ Thị	Huyền	THP006441	1	21.50	1.0	22.50
945	Hoàng Thị	Ước	HDT029397	1	21.00	1.5	22.50
946	Phạm Thị	Lan	HVN005564	1	21.50	1.0	22.50
947	Phàn A	ỏn	THV010150	2	18.75	3.5	22.25
948	Nguyễn Linh	Lộc	TND015222	2	20.75	1.5	22.25
949	Dương Thị	Bình	TDV002454	2	20.75	1.5	22.25
950	Đinh Thị Nhật	Lệ	KHA005420	2	21.25	1.0	22.25
951	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	LNH003170	2	21.75	0.5	22.25
952	Sùng Seo	Vảng	THV015071	2	18.75	3.5	22.25
953	Nông Thị	Huyền	TQU002400	2	18.75	3.5	22.25
954	Trương Thị	Vân	TLA015511	2	21.25	1.0	22.25
955	Nguyễn Anh	Tiến	TND025564	2	20.75	1.5	22.25
956	Nông Thảo	Lam	TND013196	2	18.75	3.5	22.25
957	Triệu Thị Thu	Trang	TND026717	2	18.75	3.5	22.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
958	Nguyễn Thị	Trang	TDV032806	2	21.75	0.5	22.25
959	Khổng Thị	Thơ	SPH016235	2	21.25	1.0	22.25
960	Trần Thị Như	Quỳnh	TDV025653	1	21.25	1.0	22.25
961	Phạm Thị Tâm	Trang	HDT027044	1	21.75	0.5	22.25
962	Nguyễn Thị	Ngân	YTB015395	4	21.00	1.0	22.00
963	Diệp Thành	Hạnh	TND006863	2	18.50	3.5	22.00
964	Lê Thị Thuỳ	Linh	KQH007818	2	21.50	0.5	22.00
965	Hoàng Thị	Oanh	TND019306	2	20.50	1.5	22.00
966	Trần Thị Thảo	Nguyên	TND018282	2	20.50	1.5	22.00
967	Hà Duy	Khánh	LNH004763	2	18.50	3.5	22.00
968	Lương Minh	Phụng	HDT019590	2	18.50	3.5	22.00
969	Lê Hồng	Sơn	KQH011840	1	21.50	0.5	22.00
970	Đinh Thị	Hương	TND011720	1	20.50	1.5	22.00
971	Lý Bảo	Duy	TND004172	1	18.50	3.5	22.00
972	Lưu Thị	Thoa	TND024098	1	18.50	3.5	22.00
973	Phạm Viết	Khởi	THP007553	2	21.25	0.5	21.75
974	Lìm Thị	Luyến	THV008152	2	18.25	3.5	21.75
975	Hà Thị	Nhiên	TQU004074	1	20.25	1.5	21.75
976	Trịnh Thị Vân	Anh	HDT001630	2	20.00	1.5	21.50
977	Đỗ Minh	Sỹ	TQU004831	2	18.00	3.5	21.50
978	Nguyễn Đình	Chiều	TTB000609	2	20.00	1.5	21.50
979	Nguyễn Thị	Phượng	YTB017612	2	20.50	1.0	21.50
980	Hoàng Phương	Bắc	TTB000353	2	18.00	3.5	21.50
981	Khoàng Thị	Tuyết	TTB007298	2	18.00	3.5	21.50
982	Nguyễn Văn	Đạt	THP003039	2	20.50	1.0	21.50
983	Triệu Thị Thu	Hà	TQU001448	2	20.00	1.5	21.50
984	Ngô Văn	Tĩnh	THV013504	2	18.00	3.5	21.50
985	Nguyễn Thị Hồng	Nga	TND017359	1	18.00	3.5	21.50
986	Lê Thị	Trang	TLA013996	1	20.50	1.0	21.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
987	Mào Thị	Duyên	TTB001293	1	18.00	3.5	21.50
988	Đào Bích	Ngọc	THV009420	1	18.00	3.5	21.50
989	Nguyễn Thị	Lan	TDV015628	1	20.00	1.5	21.50
990	Lê Văn	Đức	HDT005906	2	20.25	1.0	21.25
991	Phạm Anh	Tuấn	TND027979	2	20.25	1.0	21.25
992	Vũ Thị	Thanh	THP013104	2	20.75	0.5	21.25
993	Vi Thị	Thao	TND022768	2	17.75	3.5	21.25
994	Đỗ Thùy	Dương	HDT004765	1	19.75	1.5	21.25
995	Trần Thị	Khuyên	THP007573	1	20.25	1.0	21.25
996	Bế Ngọc	Hải	TND006560	1	17.75	3.5	21.25
997	Đinh Kiều	Anh	TND000234	1	17.75	3.5	21.25
998	Vũ Văn	Tĩnh	HHA014243	1	20.75	0.5	21.25
999	Lò Thị	Thuận	TTB006312	3	17.50	3.5	21.00
1000	Giàng A	Cu	TTB000851	2	17.50	3.5	21.00
1001	Lê Thị Thu	Thảo	TTB005864	2	19.50	1.5	21.00
1002	Lò Thị	Hoài	TTB002407	2	17.50	3.5	21.00
1003	Dương Thị	Cúc	TQU000628	2	17.25	3.5	20.75
1004	Lê Thị	Huyền	YTB009944	2	19.75	1.0	20.75
1005	Lê Thị	Sơn	HDT021668	2	19.25	1.5	20.75
1006	Nguyễn Đức	Tú	DCN012387	2	20.25	0.5	20.75
1007	Vũ Thành	Duy	TND004268	1	19.25	1.5	20.75
1008	Trần Đăng	Sỹ	YTB018898	1	19.75	1.0	20.75
1009	Sùng A	Tá	TTB005495	2	17.00	3.5	20.50
1010	Nguyễn Thị Hoa	Mai	THV008419	1	19.00	1.5	20.50
1011	Thân Thị Diệu	Linh	TND014731	2	18.75	1.5	20.25
1012	Đinh Thị Hồng	Thanh	HHA012419	2	19.75	0.5	20.25
1013	Giàng Thị	Dinh	THV001961	2	16.50	3.5	20.00
1014	Nguyễn Thị	Nga	TQU003794	2	16.50	3.5	20.00
1015	Thào A	Tăng	TTB005526	2	16.50	3.5	20.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 18/08/2015

Trang 36

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1016	Hà Thị	Huyền	TND011064	2	16.50	3.5	20.00
1017	Nguyễn Đình	Hải	TND006673	2	16.25	3.5	19.75
1018	Hoàng Thị	Mây	TQU003574	3	16.00	3.5	19.50
1019	Phan Thanh	Lịch	TND013784	2	16.00	3.5	19.50
1020	Nguyễn Quang	Sơn	TTB005416	2	18.00	1.5	19.50
1021	Nguyễn Ngọc	Cân	KQH001191	2	18.50	1.0	19.50
1022	Hoàng Quốc	Việt	YTB025121	2	18.50	1.0	19.50
1023	Triệu Thị	Hạnh	TND007069	2	15.75	3.5	19.25
1024	Nguyễn Văn	Thắng	LNH008759	2	17.75	1.5	19.25
1025	Cà Thị	Hoa	TTB002291	2	15.50	3.5	19.00
1026	Vàng Ngọc	Cương	THV001721	2	15.50	3.5	19.00
1027	Phạm Thị	Thanh	THP013075	2	18.00	0.5	18.50
1028	Lò Minh	Tiến	TTB006573	2	15.00	3.5	18.50
1029	Trương Đức	Quý	LNH007630	1	15.00	3.5	18.50
1030	Nguyễn Lâm	Anh	TND000654	2	16.75	1.5	18.25
1031	Lê Trung	Kiên	THV006740	2	15.50	2.5	18.00
1032	Phạm Thị	Hằng	HHA004422	2	17.25	0.5	17.75
1033	Nguyễn Viết	Tiến	KQH014099	2	17.00	0.5	17.50
1034	Lã Thị Minh	Ngọc	KHA007209	2	16.75	0.5	17.25
1035	Lưu Khánh	Huyền	TQU002442	2	15.25	1.5	16.75
1036	Ngô Thế	Quỳnh	SPH014503	2	16.25	0.5	16.75
1037	Cao Thị	Hoàn	HDT009682	2	15.00	1.5	16.50
1038	Bùi Thị	Hằng	YTB006871	1	15.00	1.0	16.00
1039	Đinh Thị	Ngọc	HDT017887	2	14.50	1.0	15.50
1040	Lê Hồng	Sơn	LNH007926	1	15.00	0.5	15.50
1041	Hoàng Tiến	Dũng	THV002193	2	11.75	3.5	15.25
1042	Lò Văn	Thanh	TTB005679	2	11.50	3.5	15.00